TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/DS-ST
Ngày 15-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Tín Hiền

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc tranh hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N**.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, TP . Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã V. Địa chỉ: Số D đường N, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Thạch Đ (Thạch Đ1)**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Thạch Thị H1**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và ông Thạch Đ (Thạch Đặng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801062/HĐTD. Theo Hợp đồng, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã cho ông Thạch Đ (T) vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Trồng màu; lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 15,7%/năm. Tuy nhiên, trường hợp lãi suất cho vay trên thị trường tín dụng biến động tăng/giảm thì ngân hàng thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay tăng/giảm tương ứng; thanh toán trả lãi theo quý, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 tháng.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Thạch Đ (T) đã tự nguyện giao cho Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 187478, có diện tích 8.513 m² (loai đất: T: 300m; 1L: 8.213m²), thửa số 457; tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp cho Hộ Thạch Đặng ngày 12 tháng 02 năm 1997, số vào sổ: 0068 QSDĐ/58070802.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng, ông Thạch Đ (T) đã thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng đến ngày 29/02/2020 với số tiền là 13.952.055 đồng, sau đó ông Đ ngưng thanh toán tiền lãi và thanh toán tiền vốn gốc cho ngân hàng. Sau đó, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhưng ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 15/9/2023, tổng nợ của ông Thạch Đ (T) đối với Ngân hàng N là: 156.785.730 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 100.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 36.557.260 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 20.228.470 đồng.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc ông Thạch Đ (Thạch Đặng) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 (vợ của ông Thạch Đ) cùng liên đới thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nêu trên là: 156.785.730 đồng. Trong đó, nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.557.260 đồng và nợ lãi quá hạn là 20.228.470 đồng.

Vợ chồng ông Thạch Đ (T), bà Thạch Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801062/HĐTD kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2023 đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ. Sau khi vợ chồng ông Đ, bà H1 thanh toán xong nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại cho vợ chồng ông Đ, bà H1 giấy chứng quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 187478, có diện tích 8.513 m² (loai đất: T: 300m; 1L: 8.213m²), thửa số 457; tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho Hộ Thạch Đặng (Thạch Điệp) ngày 12/02/1997.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/8/2023, bị đơn ông Thạch Đ ***(T) trình bày***:

Tên Thạch Đ sinh năm 1960 và tên Thạch Đ1, sinh năm 1963 cũng là một người. Ông thừa nhận tính đến ngày 31/12/2022, vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng N số tiền là 146.763.156 đồng. Trong đó, nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.802.740 đồng và nợ lãi quá hạn là 16.960.417 đồng đúng như đơn khởi kiện mà Tòa án có gửi thông báo thụ lý cho ông. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng ông chưa có tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết. Thời gian sắp tới khi nào có tiền thì vợ chồng ông sẽ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 ***trình bày:***

Bà đồng ý với nội dung trong thông báo thụ lý vụ án, tính đến ngày 31/12/2022 vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng N số tiền là 146.763.156 đồng. Trong đó, nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.802.740 đồng và nợ lãi quá hạn là 16.960.417 đồng, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bà chưa có tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết. Khi nào có tiền thì vợ chồng bà sẽ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo

ủy quyền cho nguyên đơn, đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 01/11/2018, ông Thạch Đ (T) có ký hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801062/HĐTD với Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Cách thức thanh toán nợ là ông Đ phải trả lãi hàng quý và trả nợ gốc một lần khi đến hạn. Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, ông Đ đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 01/11/2019 là đợt cuối cùng để ông Đ thanh toán nợ gốc nhưng ông Đ không thực hiện nên ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801062/HĐTD ngày 01/11/2018 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên việc Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Thạch Đ (T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 (vợ của ông Đ) phải liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng ông Thạch Đ (T), bà Thạch Thị H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền lãi trong hạn 36.557.260 đồng và lãi quá hạn là 20.228.470 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với số tiền lãi trong hạn 36.557.260 đồng, thời hạn từ ngày 01/3/2020 đến ngày 15/9/2023, đối với số vốn gốc 100.000.000 đồng được tính từng thời điểm cụ thể như sau: Số tiền lãi 14.412.329 đồng, thời hạn từ 01/3/2020 đến 14/7/2021 với mức lãi suất là 10.5%/năm (0,875%/tháng); số tiền lãi 4.401.370 đồng, thời hạn

từ ngày 15/7/2021 đến 31/12/2021 với mức lãi suất 9,45%/năm; số tiền lãi 9.608.219 đồng, thời hạn từ ngày 01/01/2022 đến 30/11/2022 với mức lãi suất 10,5%/năm; số tiền lãi 713.425 đồng, thời hạn từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022 với mức lãi suất 8,4%/năm và số tiền lãi 7.421.918 đồng, thời hạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/9/2023 với mức lãi suất là 10,5%/năm.

[5.2] Đối với số tiền lãi quá hạn 20.228.470 đồng, thời hạn từ ngày 26/10/2019 đến ngày 15/9/2023, đối với số vốn gốc 100.000.000 đồng được tính từng thời điểm cụ thể như sau: Số tiền lãi 9.158.333 đồng, thời hạn từ 26/10/2019 đến 14/7/2021 với mức lãi suất là 5.25%; Số tiền lãi 2.198.356 đồng, thời hạn từ 15/7/2021 đến 31/12/2021 với mức lãi suất là 4.72%; Số tiền lãi 4.804.110 đồng, thời hạn từ 01/01/2022 đến 30/11/2022 với mức lãi suất là 5.25%; Số tiền lãi 356.712 đồng, thời hạn từ 01/12/2022 đến 31/12/2022 với mức lãi suất là 4.2% và số tiền lãi 3.710.959 đồng, thời hạn từ 01/01/2023 đến 15/9/2023 với mức lãi suất là 5.25%.

[5.3] Đối với lãi suất trong hạn và quá hạn được phân tích tại các mục số [5.1] và [5.2], Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N1 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...". Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801062/HĐTD ngày 01/11/2018 thì Ngân hàng và ông Đ thỏa thuận lãi suất cho vay là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 15,7%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Đồng thời, Ngân hàng có thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay tăng/giảm cho phù hợp với lãi suất cho vay trên thị trường. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối vợ chồng ông Đ, bà H1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà vợ chồng ông Đ, bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng là: 156.785.730 đồng. Trong đó, nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.557.260 đồng và nợ lãi quá hạn là 20.228.470 đồng. Do đó, tính đến ngày 15/9/2023 tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn mà vợ chồng ông Đ, bà H1 còn phải trả là 56.785.730 đồng và số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 187478, có diện tích 8.513 m² (loại đất: T: 300m; 1L: 8.213m²), thửa số 457; tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khóm C, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho Hộ Thạch Đặng (Thạch Điệp) ngày 12/02/1997, khi vay vốn ông Đ có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu cho Ngân hàng để làm tin trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án vợ

chồng ông Đ, bà H1 cũng không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Đ không phải chịu án phí đối với số tiền 3.919.643 đồng do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 (vợ ông Đ) phải chịu số tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 3.919.643 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch Đ (T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 (vợ ông Đ) liên đới thanh toán tổng số tiền là 156.785.730 đồng. Trong đó, nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.557.260 đồng và nợ lãi quá hạn là 20.228.470 đồng của hợp đồng tín dụng số 7606LAV201801062/HĐTD ngày 01/11/2018.

- Buộc bị đơn ông Thạch Đ (T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 (vợ ông Đ) liên đới thanh toán cho Ngân hàng N với tổng số tiền là 156.785.730 đồng. Trong đó, nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.557.260 và nợ lãi quá hạn là 20.228.470 đồng.

2. Kể từ ngày 16/9/2023, vợ chồng ông Thạch Đ (T), bà Thạch Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng ông Đ, bà

H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.669.079 đồng theo biên lai thu số 0007911 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Thạch Đ (Thạch Đặng) không phải chịu án phí đối với số tiền 3.919.643 đồng do thuộc trường hợp người cao tuổi, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị H1 (vợ ông Đ) phải chịu số tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 3.919.643 đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
VKSND thị xã Vĩnh Châu;
Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
Các đương sự;
Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua